SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 1955 /QĐ-BVĐKĐN

Đồng Nai. ngày 22 *tháng* 09 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai thuộc dự toán mua sắm Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024: Sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch. Luật Đầu tư. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật đấu thầu. Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Luật hải quan. Luật thuế giá trị gia tăng. Luật thuế xuất khẩu. thuế nhập khẩu. Luật đầu tư. Luật đầu tư công. Luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý. sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp. đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 24/2026/QĐ-CTUBND ngày 25/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

của thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-BVĐKĐN ngày 21/09/2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai về việc phê duyệt dự toán Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Vật tư - Thiết bị y tế tại Tờ trình số 503/TTr-VTTBYT ngày 21/09/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị y tế. Phòng Tài chính - Kế toán và Trưởng các khoa. phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổ thẩm định;
- Lưu: VT. VTTBYT.
(Mikt)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

Đinh Cao Minh

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM BỔ SUNG VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 1955 /QĐ-BVĐKĐN ngày 22 tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Mua sắm bổ sung hóa chất của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	1.001.889.688	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn. một túi hồ sơ	45 ngày	Quý III năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	120 ngày	Không áp dụng
Tổng cộng: 1.001.889.688 (Một tỷ không trăm lẻ một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng). đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan (vận chuyển. lắp đặt…)												

PHỤ LỤC 2 DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Quyết định số: 1955 /QĐ-BVĐKĐN, ngày 22 tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

ĐVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa thông thường hoặc tương đương	Yêu cầu tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	1. Thành phần tối thiểu bao gồm: Đệm Tris; NADH; Tetra Natri diphosphat; EDTA,... 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động, để xét nghiệm định lượng urê bằng phương pháp enzym GLDH, đo UV động học. - Khoảng đo đối với huyết thanh, huyết tương: 1–50,0 mmol/L, Khoảng đo đối với nước tiểu: 15-750 mmol/L hoặc rộng hơn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: Châu Âu	ml	6.784	16.947	114.968.448
2	Chất hiệu chuẩn trung gian xét nghiệm định lượng các chất điện giải Na, K, Cl	1. Chất hiệu chuẩn mức trung bình sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl- dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động, bằng phương pháp GLDH, đo UV động học 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 3. Xuất xứ: Châu Âu	ml	112.000	966	108.192.000
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng	1. Thành phần tối thiểu bao gồm: Natri hiđroxit; Axit picric 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa chất dùng cho xét	ml	7.344	5.985	43.953.840

STT	Tên hàng hóa thông thường hoặc tương đương	Yêu cầu tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
	Creatinin	nghiệm định lượng creatinine sử dụng phương pháp: Jaffé động học (Kinetic Jaffé), đo quang. Khoảng đo: 0,25-25,0 mg/dL (huyết thanh/ huyết tương); 5-400 mg/dL (nước tiểu) hoặc rộng hơn; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: Châu Âu				
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	1. Thành phần tối thiểu bao gồm: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động sử dụng phương pháp phản ứng diazo (DPD). Khoảng đo: 1-10 mg/dL hoặc rộng hơn; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: Châu Âu	ml	360	50.085	18.030.600
5	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh	1. Thành phần tối thiểu bao gồm: Sodium Hydroxide; Sulfonic acids, muối natri... 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dung dịch rửa hệ thống máy dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: Châu Âu	ml	160.000	798	127.680.000
6	Hóa chất xét nghiệm	1. Thành phần: Glycine buffer; Latex, phủ kháng thể	ml	4.320	65.415	282.592.800

STT	Tên hàng hóa thông thường hoặc tương đương	Yêu cầu tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
	định lượng CRP	kháng CRP,... 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex hệ thống máy dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động sử dụng phương pháp đo độ đục Khoảng đo: + Bình thường: 0,2–480 mg/L + Độ nhạy cao: 0,08–80 mg/L 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: G7				
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	1. Thành phần tối thiểu bao gồm: Tris buffer; L-Alanine; 2-Oxoglutarate; LDH;… 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa chất dùng xét nghiệm định lượng ALT dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động sử dụng phương pháp động học enzym theo IFCC hoặc tương đương. Khoảng đo 5-500 U/L hoặc rộng hơn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: Châu Âu	ml	4.500	12.474	56.133.000

STT	Tên hàng hóa thông thường hoặc tương đương	Yêu cầu tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	1. Thành phần tối thiểu bao gồm: Tris buffer; L-aspartate; 2-Oxoglutarate; LDH; MDH; NADH 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hóa chất dùng xét nghiệm định lượng AST dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động sử dụng phương pháp động học enzym theo IFCC hoặc tương đương. Khoảng đo: 5-1000 U/L hoặc rộng hơn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Xuất xứ: Châu Âu	ml	3.000	18.690	56.070.000
9	Test hóa chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng phospho	1. Thành phần: acid sulfuric, ammonium molybdate… 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: sử dụng cho xét nghiệm định lượng phospho ở huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng phương pháp Molybdate UV - Khoảng đo mẫu huyết thanh/huyết tương 0,10-6,46 mmol/L (0,31-20.0 mg/dL), nước tiểu 1,1-92 mmol/L (3,4-285 mg/dL). 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Xuất xứ: G7	Test	1.000	1.524	1.524.000

STT	Tên hàng hóa thông thường hoặc tương đương	Yêu cầu tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
10	Test xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng CA 72-4	1. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng CA 72 4 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đặc biệt giúp hỗ trợ theo dõi điều trị ung thư dạ dày và ung thư buồng trứng sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng phương pháp điện hóa phát quang. Giới hạn phát hiện ≤ 1.0 U/mL. Khoảng đo: 0.5 - 250 U/mL. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 134855. 3.Xuất xứ: G7	Test	2.500	77.098	192.745.000
Tổng cộng						**1.001.889.688**

Bằng chữ: Một tỷ không trăm lẻ một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng.